TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST

Ngày 27/6/2024
"V/v: Ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Long.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Thế Hằng và ông Lê Khắc Dũng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Phan Hoài Đông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** bà Trần Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 06 năm 2024 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện EaKar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2024/TLST – HNGĐ, ngày 11 tháng 04 năm 2024, về việc "*Kiện ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 06 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 27/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 19/6/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị L (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Khang Ngọc T (vắng mặt lần 2 không có lý do).

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

Bà L và ông T sau một thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện E vào ngày 29/01/2016. Sau một thời gian chung sống đến năm 2021 thì giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do không hợp về lối sống, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vả, kinh tế khó khăn nên mỗi người đi làm mỗi nơi không ổn định dẫn đến không có tiếng nói chung. Do không thể tiếp tục chung sống với nhau nên bà L với ông T đã sống ly thân từ đầu năm 2023 cho

đến nay. Xét thấy tình trạng hôn nhân mâu thuẫn quá trầm trọng, không thể hàn gắn được với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Khang Ngọc T.

Về con chung: bà L và ông T không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Khang Ngọc T trình bày: Ông T hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của bà L về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn. Do ông T thiếu sự quan tâm đến gia đình, không lo làm ăn nên gây ảnh hưởng đến kinh tế gia đình và làm vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Tuy nhiên ông T mong muốn bà L bỏ qua để vợ chồng chung sống. Trường hợp bà L không đồng ý thì đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: ông T và bà L không có con chung; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Lê Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Khang Ngọc T vắng mặt lần thứ hai. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho bà được ly hôn với ông T; Về con chung không có, về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đều thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn ông Khang Ngọc T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các quyết định tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do là vi phạm các quy định tại Điều 70, 72, và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 56 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà Lê Thị L được ly hôn với ông Khang Ngọc T.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[**1**] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn với bị đơn ông T có nơi cư trú tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk theo khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục mở phiên tòa vắng mặt các đương sự: Quá trình tố tụng, bị đơn ông Khang Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên toà không có lý do, nguyên đơn bà Lê Thị L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[**2**] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L và ông Khang Ngọc T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện E vào ngày 29/01/2016, đây là hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của các đương sự xác định được rằng: Do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, trong cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng bà L và ông T xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống ly thân, bỏ mặc nhau từ đầu năm 2023 cho đến nay. Xét mâu thuẫn giữa bà L và ông T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L, cho bà Lê Thị L được ly hôn với ông Khang Ngọc T.

[**3**] về con chung: vợ chồng bà L và ông T không có con chung nên không đề cập giải quyết.

[**4**] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[**5**] Về án phí: Bà Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân Gia đình theo quy định của pháp luật.

[6] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 BLTTDS;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho bà Lê Thị L được ly hôn với ông Khang Ngọc T.

2. Về con chung bà Lê Thị L và ông Khang Ngọc T không có con chung nên không đề cập giải quyết

3. Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà L đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tiền số AA/2023/0000360 ngày 09/04/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện EaKar.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Thị L, bị đơn ông Khang Ngọc T có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐắkLắk;
- VKSND huyện EaKar;
- THADS huyện EaKar;
- UBND xã El, huyện E
- Đương sự;
- Lưu HS.

Đã ký

Hoàng Long